

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng Đăng ký đất đai, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 624/TTr-STNMT ngày 27/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng Đăng ký đất đai, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các thủ tục hành chính thuộc phần A Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai tại Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về Công bố bổ sung Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường được tiếp nhận tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Các hồ sơ thủ tục hành chính được nêu tại Điều 1 Quyết định này được tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện giải quyết theo thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 và Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; P.KSTTHC; Trung tâm;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐƯỢC TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG, VĂN PHÒNG
ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.004217	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có); không tính thời gian	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình,	- Chính lý đăng ký biến động trang 3,4: 25.000 đồng/giấy. - Đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận (nếu có): 50.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp chứng nhận: - Trường hợp đăng ký biến động cấp mới giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước) hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.	+ Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động chính lý trang 3 giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.399.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.395.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.798.000 đồng/giấy	09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014;	
2.	1.001990	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ	* Phí thẩm định đất đai: 4.000.000 đồng/hồ sơ. * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Chính lý đăng ký biến động trang 3: 25.000	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thẩm định giá; không tính thời gian ký hợp đồng thuê đất, điều chỉnh hợp đồng thuê đất; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	đồng/giấy. - Đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận (nếu có): 50.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp chứng nhận: - Trường hợp đăng ký biến động cấp mới giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động chỉnh lý trang 3 giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.399.000 đồng/giấy.	18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					+ Đối với tài sản: 1.395.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.798.000 đồng/giấy.	19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
3.	1.001991	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	30 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thẩm định giá; không tính thời gian ký hợp đồng thuê đất, điều chỉnh hợp đồng thuê đất; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ	Người sử dụng đất lập hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	+ Chinh lý đăng ký biến động trang 3,4: 25.000 đồng/giấy. + Đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/giấy * Đơn giá đăng ký và cấp giấy chứng nhận: + Trường hợp đăng ký biến động cấp mới giấy chứng nhận: 2.082.000 đồng/giấy. + Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới giấy chứng nhận:	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014HT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			tài chính; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.		1.806.000 đồng/giấy	02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021). - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
4.	1.001134	Đăng ký biến động đối với	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này	Người sử dụng đất lập hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Chính lý đăng ký biến	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	không tính thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thẩm định giá; không tính thời gian ký hợp đồng thuê đất, điều chỉnh hợp đồng thuê đất; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung	hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	động trang 3,4: 25.000 đồng/giấy. - Đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 1.402.000 đồng/giấy - Đối với đất và tài sản: 1.802.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy - Đối với đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy	15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 09/2021/TT- BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 14/2023/TT-	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			câu giám định.			<p><i>BTNMT</i> ngày 16/10/2023;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021. 	
5.	2.001938	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	10 ngày làm việc. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14,	Không.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; 	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.		- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;	
6.	1.004238	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	- Xóa cho thuê, cho thuê lại, xóa góp vốn vào Giấy chứng nhận và trao cho bên thuê, cho bên thuê lại, bên góp vốn: 3 ngày; - Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bên nhận góp vốn: 7	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký biến động và cấp Giấy chứng nhận: 1. Trường hợp đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất</p>	<p>+ Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy.</p> <p>2. Trường hợp đăng ký biến động chỉnh lý trang 3 giấy chứng nhận:</p> <p>- Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại đất tài sản gắn liền với đất:</p> <p>+ Đối với đất: 1.349.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.346.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 1.732.000 đồng/giấy.</p> <p>- Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:</p> <p>+ Đối với đất: 1.404.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với tài sản:</p>	<p>ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>- Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					1.397.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.804.000 đồng/giấy.	- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
7.	1.004227	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám	07 ngày làm việc. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	gian trung cầu giám định		<p>mới Giấy chứng nhận: <i>* Thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận:</i> + Đối với đất: 1.414.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.403.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.817.000 đồng/giấy. <i>* Có thay đổi đối với những hạn chế về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính:</i> + Đối với đất: 1.356.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.350.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài</p>	<p>24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (<i>sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021</i>); - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>sản: 1.742.000 đồng/giấy. <i>* Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, thay đổi thông tin về giấy tờ pháp nhân, nhân thân hoặc địa chỉ:</i> + Đối với đất: 1.350.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.347.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.734.000 đồng/giấy. <i>* Thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất:</i> + Đối với đất: 1.360.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.346.000 đồng/giấy</p>	<p>10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					+ Đối với cả đất và tài sản: 1.743.000 đồng/giấy.		
8.	1.004221	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	7 ngày làm việc. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.353.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.348.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.738.000 đồng/giấy	33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
9.	1.004203	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	15 ngày làm việc. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 838.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 788.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.082.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					thêm là: 251.000 đồng/giấy	09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
10.	1.004199	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	<p>- Trường hợp cấp từ 01 đến 10 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời gian thực hiện 07 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp cấp từ trên 10 đến 50 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời gian thực hiện 20 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp cấp từ trên 50 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời gian thực hiện không quá 50 ngày làm việc.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của</p>	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 838.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 788.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.082.000 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 251.000 đồng/giấy.</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xác minh hiện trạng sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian chờ nộp bản gốc để đối chiếu			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 . 	
11.	1.004193	Đính chính	- Đối với trường hợp	Người sử dụng đất	* Lệ phí cấp Giấy	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		Giấy chứng nhận đã cấp	<p>xác nhận nội dung sai sót trên Giấy chứng nhận (thẩm quyền của UBND tỉnh): 07 ngày.</p> <p>- Đối với trường hợp xác nhận nội dung sai sót trên Giấy chứng nhận hoặc cấp mới Giấy chứng nhận (thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai): 05 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng</p>	<p>nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.</p>	<p>chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>- Trường hợp đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy.</p> <p>- Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Đối với đất: 1.348.000 đồng/giấy</p>	<p>43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 02/2023/TT- BTNMT</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định		+ Đối với tài sản: 1.346.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.731.000 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp dính chính Giấy chứng nhận mà lỗi do cơ quan nhà nước thì không thu tiền.	ngày 15/5/2023; -) <i>Thông tư số 14/2023/TT- BTNMT</i> ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
12.	1.004177	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai	- Trường hợp thuộc thẩm quyền Văn phòng Đăng ký đất đai: 20 ngày; - Trường hợp thuộc thẩm quyền UBND tỉnh: 20 ngày. Thời gian này không bao	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phát hiện	gồm thời gian 30 ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất, không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất		18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;	
13.	1.011616	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở	- Từ 01 đến 10 GCNQSD đất thời gian 07 ngày. - Từ trên 10 đến 50 GCNQSD đất thời gian 15 ngày.	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với cả đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với đất: 100.000 đồng/giấy. - Phí thẩm định: đối với	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	<p>- Từ trên 50 GCNQSD đất thời gian 30 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian chờ nộp hồ sơ gốc để đối chiếu.</p>	tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.	<p>đất sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; đối với đất ở: 300.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 2.717.000 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy.</p>	<p>18/12/2020;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (<i>sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021</i>);</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>- <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</i></p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 . 	
14.	2.000983	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01 đến 10 GCNQSD đất thời gian không quá 07 ngày. - Từ trên 10 đến 50 GCNQSD đất thời gian không quá 15 ngày. - Từ trên 50 	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14,	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với cả đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với đất: 100.000 đồng/giấy. - Phí thẩm định: đối với đất sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; đối với đất ở: 300.000 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	GCNQSD đất thời gian không quá 30 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian chờ nộp hồ sơ gốc để đối chiếu.	phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	đồng. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.717.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy.	03/4/2023; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 14/2023/TT- BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
15.	1.002255	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	30 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 500.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: 2.024.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	dụng đất.		23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015; - <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</i> - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
16.	2.000976	Đăng ký thay đổi tài	12 ngày. Thời gian này không tính thời	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian gửi phiếu lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước về tài sản gắn liền với đất; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.	* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với tài sản: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.817.000 đồng/giấy	15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 . 	
17.	1.002273	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	15 ngày. Không tính thời gian kiểm tra hiện trạng sử dụng	Chủ đầu tư hoặc người nhận chuyển nhượng nộp hồ sơ	* Lệ phí cấp giấy: - Đối với trường hợp đăng ký biến động	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng là tổ chức trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất	đất, nhà ở và công trình đã xây dựng, không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.	<p>chính lý trang 3,4: 25.000 đồng/giấy.</p> <p>- Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy.</p> <p>- Phí thẩm định (nếu có): đối với đất sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; đối với đất ở: 300.000 đồng.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy.</p>	<p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		động sản không phải dự án phát triển nhà ở			- Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.348.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.346.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.731.000 đồng/giấy	106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
18.	2.000889	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với	8 ngày làm việc. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian chuyển thông tin địa chính,	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: A. Trường hợp đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận:	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng đã có Giấy chứng nhận	xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.	<p>+ Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy.</p> <p>B. Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p><i>1. Chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</i></p> <p>+ Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy.</p> <p><i>2. Góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn</i></p>	<p>18/12/2020;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT- BTMMT ngày 27/01/2015;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>liên với đất: + Đối với đất: 1.405.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.398.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.806.000 đồng/giấy. 3. Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất (trừ trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế), tài sản gắn liền với đất: + Đối với đất: 1.360.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.352.000 đồng/giấy.</p>	<p>- Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					+ Đối với cả đất và tài sản: 1.747.000đồng/giấy.		
19.	2.000880	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử	8 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian chuyển thông tin địa chính; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: 1. Trường hợp đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000đồng/giấy. 2. Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: * Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		<p>dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>			<p><i>thuận xử lý nợ thế chấp:</i> + Đối với đất: 1.405.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.398.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.806.000 đồng/giấy. * <i>Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai:</i> + Đối với đất: 1.387.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy. * <i>Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn</i></p>	<p>02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - <i>Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</i> - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>liên với đất theo quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy. <p>* Chuyển quyền sử dụng cả thửa đất, tài sản gắn liền với đất theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của cơ quan thi hành án:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài 	19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>sản: 1.803.000 đồng/giấy. * Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả đấu giá đất: + Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy. * Chuyển đổi công ty; chia, tách, hợp nhất, sát nhập doanh nghiệp: + Đối với đất: 1.408.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000</p>		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					đồng/giấy		
20.	1.005194	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	<p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 10 ngày.</p> <p>- Trường hợp cấp lại trang bổ sung: 3 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định; không kể</p>	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận và trang bổ sung của Giấy chứng nhận: 50.000 đồng;</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 838.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 788.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.082.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá cấp trang bổ sung của Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 647.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 643.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			thời gian chờ hồ sơ gốc để đối chiếu.		sản: 831.000 đồng/giấy	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021. 	
21.	1.001045	Đăng ký đổi với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	<ul style="list-style-type: none"> + Đổi với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 05 ngày; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 10 ngày; <p>Thời gian này không tính thời gian các</p>	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14,	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đổi với đất: 1.622.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.410.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.401.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.813.000 đồng/giấy 	<ul style="list-style-type: none"> 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 09/2021/TT- BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
22.	1.001009	Chuyên nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 07 ngày + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 8 ngày; Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với đất: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	dụng đất.	biên động không cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy.	ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
23.	1.004269	Cung cấp dữ liệu đất đai	01 ngày làm việc. Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ 00 thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ 00 thì	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Văn phòng Đăng ký đất	* Phí: 300.000 đồng/ hồ sơ, tài liệu (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu); * Lệ phí: 30.000 đồng. * Ghi chú: Trường hợp trích lục thửa đất thì thu theo đơn giá trích lục	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cung cấp thông tin dưới hình thức tổng hợp thông tin đất đai thì thời gian thực hiện theo thỏa thuận của các bên.</p>	đai (phòng Cơ sở Dữ liệu & Lưu trữ), địa chỉ: số 735 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước).		<p>18/12/2020;</p> <p>- Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>- Nghị Quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020.</p>	
24.	1.004267	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm	50 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy	Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp nộp đơn tại Bộ phận tiếp nhận của	Không quy định	<p>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	Ban Tiếp công dân tỉnh Bình Phước		15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017	
25.	1.003010	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất (nếu có); không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có	Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh	Không quy định	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh	vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	Bình Phước.			

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		<p>ngiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>					
26.	1.002253	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt</p>	<p>20 ngày. Thời gian này không tính thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thẩm định giá nếu phải thuê tư vấn để thẩm định; không tính thời gian ký hợp đồng thuê đất; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ</p>	<p>Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14,</p>	<p>4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT</p>	<p>Một phần</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		<p>hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	<p>tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p>	<p>phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.</p>		<p>ngày 29/9/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
27.	1.002040	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây	20 ngày. Thời gian này không tính thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thẩm định giá nếu phải thuê tư vấn để thẩm định; không tính thời gian ký hợp đồng thuê đất; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với	Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.	- 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) - 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở).	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.				
28.	1.004257	Chuyển mục	15 ngày. Thời gian này không tính thời	Tổ chức, cá nhân lập	- 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian xác định nghĩa vụ tài chính; không tính thời gian thẩm định giá nếu phải thuê tư vấn để thẩm định; không tính thời gian ký hợp đồng thuê đất; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp	hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh); - 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)	43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			luật, thời gian trung cầu giám định.				
29.	1.004688	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 20 ngày làm việc đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh. - không quá 38 ngày làm việc đối với thủ tục hành chính phải xin ý của của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thời gian này không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian 	Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	<ul style="list-style-type: none"> - 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh); - 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021. 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			thẩm định giá nếu phải Hợp đồng tư vấn để thẩm định; không tính thời gian ký điều chỉnh Hợp đồng thuê đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian chờ người sử dụng đất nộp hồ sơ (bản chính) để đối chiếu				
30.	2.000962	Thẩm định, phê duyệt	18 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ trực tuyến trên	Không quy định.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		phương án sử dụng đất của Công ty nông, lâm nghiệp	Thời gian này không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian chờ người sử dụng đất nộp hồ sơ (bản chính) để đối chiếu	Công Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước		43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014; - Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
31.	1.001007	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	20 ngày. Thời gian này không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian chờ người sử dụng đất nộp hồ sơ (bản chính) để đối chiếu	Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
32.	1.001039	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có	20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian chờ người sử dụng đất nộp hồ sơ (bản	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2017. 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		vốn đầu tư nước ngoài	chính) để đối chiếu				
33.	1.000964	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với	20 ngày. Thời gian này không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định; không tính thời gian chờ người sử dụng đất nộp hồ sơ (bản	Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	chính) để đối chiếu				
34.	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	15 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TNMT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài		- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian chờ nộp hồ sơ gốc để đối chiếu	nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất		- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017; - <i>Thông tư số 14/2023/TT- BTNMT</i> ngày 16/10/2023.	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.004227	Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp	- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 09	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	ngày; + Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 11 ngày; ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 13 ngày. - Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 06	TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): + Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, nhân thân hoặc địa chỉ: ++ Đối với đất: 570.000 đồng. ++ Đối với tài sản: 700.000 đồng. ++ Đối với đất và tài sản: 852.000 đồng. + Trường hợp thay đổi diện tích do sạt lở tự	- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>ngày; + Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 08 ngày; ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 10 ngày .</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi</p>		<p>nhiên một phần thửa đất: ++ Đối với đất: 581.000 đồng. ++ Đối với tài sản: 705.000 đồng. ++ Đối với đất và tài sản: 869.000 đồng. + Trường hợp thay đổi đối với những hạn chế về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất: ++ Đối với đất: 578.000 đồng. ++ Đối với tài sản: 716.000 đồng. ++ Đối với đất và tài sản: 878.000 đồng. + Trường hợp ghi nợ và xóa nợ về nghĩa vụ tài chính: ++ Đối với đất: 630.000 đồng.</p>	<p>14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian lấy ý kiến cơ quan quản lý, cấp phép xây dựng.		++ Đối với tài sản: 768.000 đồng. ++ Đối với đất và tài sản: 946.000 đồng. + Trường hợp thay đổi thông tin về tài sản: ++ Đối với đất: 640.000 đồng. ++ Đối với tài sản: 783.000 đồng. ++ Đối với đất và tài sản: 974.000 đồng.		
2.	1.004221	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 09 ngày ; + Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 769.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): 578.000 đồng	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 10 ngày;</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 13 ngày</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 05</p>	<p>nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất</p>		<p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (<i>sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021</i>);</p> <p>- Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>ngày</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 07 ngày.</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 10 ngày . Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử</p>			19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không tính thời gian lấy ý kiến cơ quan quản lý, cấp phép xây dựng.				
3.	1.001990	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 10 ngày ; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 13 ngày.</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc</p>	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 923.000 đồng.</p> <p>Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): 626.000 đồng</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</i> - Nghị quyết số</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 07 ngày;</p> <p>+ Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 10 ngày .</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời</p>	cầu của người sử dụng đất		<p>13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			gian trung cầu giám định; không tính thời gian lấy ý kiến cơ quan quản lý, cấp phép xây dựng				
4.	1.004206	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 08 ngày; + Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 10 ngày.</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua</p>	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 923.000 đồng.</p> <p>Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): 626.000 đồng</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 04 ngày;</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 07 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định</p>			<p>14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.</p>	
5.	1.004203	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã:</p> <p>+ Đối với trường hợp tách, hợp thửa tạo thành</p>	<p>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <p>- Đối với trường hợp</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>dưới 10 thửa: 18 ngày ;</p> <p>+ Đối với trường hợp tách, hợp thửa tạo thành từ 10 thửa đến 50 thửa: 23 ngày.</p> <p>+ Đối với trường hợp tách, hợp thửa tạo thành trên 50 thửa: 50 ngày .</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp tách, hợp thửa tạo thành dưới 10 thửa: 15 ngày;</p> <p>+ Đối với trường hợp tách, hợp thửa tạo thành</p>	<p>TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.</p>	<p>tách thửa:</p> <p>+ Đối với đất: 576.000 đồng.</p> <p>+ Đối với tài sản: 526.000 đồng.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 735.000 đồng.</p> <p>- Đối với trường hợp hợp thửa:</p> <p>+ Đối với đất: 923.000 đồng.</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.062.000 đồng.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng.</p> <p>Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung trong một Giấy chứng nhận hoặc một hồ sơ mà nhiều Giấy chứng nhận thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (Giấy chứng nhận) tăng:</p>	<p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (<i>sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021</i>);</p> <p>- Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>từ 10 giờ đến 50 giờ: 20 ngày .</p> <p>+ Đối với trường hợp tách, hợp thửa tạo thành trên 50 thửa: 45 ngày</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p>		204.000 đồng	<p>05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	
6.	1.004199	Cấp đổi Giấy chứng nhận	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã:</p> <p>+ Đối với trường hợp không thay đổi ranh giới, diện tích: 09 ngày;</p>	<p>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <p>- Đối với đất:</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017;</p> <p>- Nghị định số</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>+ Đối với trường hợp có thay đổi ranh giới, diện tích kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành dưới 10 thửa: 18 ngày;</p> <p>+ Đối với trường hợp có thay đổi ranh giới, diện tích kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành từ 10 thửa đến 50 thửa: 23 ngày;</p> <p>+ Đối với trường hợp có thay đổi ranh giới, diện tích kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành trên 50 thửa: 50 ngày.</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công</p>	<p>gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất</p>	<p>576.000 đồng.</p> <p>- Đối với tài sản: 526.000 đồng.</p> <p>- Đối với đất và tài sản: 735.000 đồng.</p> <p>Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung trong một Giấy chứng nhận hoặc một hồ sơ mà nhiều Giấy chứng nhận thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (Giấy chứng nhận) tăng: 204.000 đồng.</p>	<p>148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (<i>sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021</i>);</p> <p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với trường hợp không thay đổi ranh giới, diện tích: 06 ngày . + Đối với trường hợp có thay đổi ranh giới, diện tích kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành dưới 10 thửa: 15 ngày; + Đối với trường hợp có thay đổi ranh giới, diện tích kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành từ 10 thửa đến 50 thửa: 20 ngày. + Đối với trường hợp có thay đổi ranh giới, diện tích kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành trên 50 thửa hoặc cấp đổi đồng loạt cho nhiều 				

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ: 45 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian thực hiện niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở UBND cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất; không tính thời gian xem xét</p>				

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.				
7.	2.001761	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 09 ngày; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 11 ngày. ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn</p>	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4):</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Nghị Quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020); - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>phòng Đăng ký đất đai: 13 ngày.</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 06 ngày;</p> <p>+ Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 08 ngày .</p>	<p>hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.</p>	<p>+ Đối với đất: 630.000 đồng.</p> <p>+ Đối với tài sản: 769.000 đồng.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 947.000 đồng.</p> <p>Trường hợp cấp một Giấy chứng nhận cấp cho nhiều thửa đất thì đơn giá đối với mỗi thửa đất tăng: 204.000 đồng</p>	<p>14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 10 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p>				
8.	1.004193	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã:</p> <p>+ Đối với trường hợp xác nhận nội dung sai</p>	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <p>- Đối với đất: 569.000</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p>	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>sót trên Giấy chứng nhận (thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai): 08 ngày làm việc;</p> <p>+ Đối với trường hợp xác nhận nội dung sai sót trên Giấy chứng nhận (thẩm quyền của UBND cấp huyện): 13 ngày.</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp</p>	<p>TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất</p>	<p>đồng.</p> <p>- Đối với tài sản: 705.000 đồng.</p> <p>- Đối với đất và tài sản: 858.000 đồng.</p> <p>Trường hợp dính chính Giấy chứng nhận mà lỗi do cơ quan nhà nước thì không thu tiền.</p>	<p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (<i>sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021</i>);</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023;</p> <p>-) <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023</i>;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>xác nhận nội dung sai sót trên Giấy chứng nhận (thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai): 04 ngày ;</p> <p>+ Đối với trường hợp xác nhận nội dung sai sót trên Giấy chứng nhận hoặc cấp mới Giấy chứng nhận (thẩm quyền của UBND cấp huyện): 10 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem</p>			<p>50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.				
9.	1.004177	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Trường hợp thuộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 17; + Trường hợp thuộc thẩm quyền của Văn phòng Đăng ký đất đai: 23 ngày; + Trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện: 23 ngày. - Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa 	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	Không.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp thuộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 14 ngày; + Trường hợp thuộc thẩm quyền Văn phòng Đăng ký đất đai: 20 ngày; + Trường hợp thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện: 20 ngày. Thời gian này không bao gồm thời gian 30 ngày gửi thông báo cho người sử dụng đất, không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định 				

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định				
10.	2.000976	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 13 ngày; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 15 ngày . ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy</p>	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): + Đối với tài sản: 783.000 đồng. + Đối với đất và tài</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 18 ngày .</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 10 ngày;</p> <p>+ Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng</p>	cầu của người sử dụng đất	sản: 974.000 đồng	<p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>- <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</i></p> <p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>ký đất đai: 12 ngày.</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 15 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; thời gian gửi lấy ý kiến cấp xã và các cơ quan quản lý nhà nước về tài sản gắn liền với đất; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định</p>				
11.	1.002273	Đăng ký, cấp Giấy chứng	* Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và	nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		nhận cho người nhận chuyên nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng (là hộ gia đình, cá nhân) trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở	<p>Trả kết quả thuộc UBND cấp xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ nộp dưới 10 Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 09; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 11 ngày. - Đối với hồ sơ nộp từ 10 đến 50 Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 15 ngày; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 17 ngày . - Đối với hồ sơ nộp trên 50 Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy 	<p>công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.</p>	<p>đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Phí thẩm định: 300.000 đồng, đối với trường hợp mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 923.000 đồng. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 630.000 đồng. + Đối với tài sản: 	<p>43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (<i>sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021</i>); - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>chứng nhận: 23 ngày; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 27 ngày. - Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất: - Đối với hồ sơ nộp dưới 10 Giấy chứng nhận: + Trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 06 ngày; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 08 ngày. - Đối với hồ sơ nộp từ 10 đến 50 Giấy chứng nhận: + Trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy</p>		<p>769.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 974.000 đồng</p>	<p>13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>chứng nhận: 12; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 14 ngày. - Đối với hồ sơ nộp trên 50 Giấy chứng nhận: + Trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 20 ngày; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 22 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem</p>				

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.				
12.	1.002993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 09 ngày; + Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 11 ngày; ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy 	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 100.000 đồng. + Đối với cả đất và tài sản: 500.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; (7) Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 13 ngày;</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 06 ngày làm việc;</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi</p>	<p>câu của người sử dụng đất</p>	<p>đồng.</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.062.000 đồng.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng.</p> <p>- Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4):</p> <p>+ Đối với đất: 630.000 đồng.</p> <p>+ Đối với tài sản: 769.000 đồng.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 974.000 đồng.</p> <p>Trường hợp cấp một Giấy chứng nhận cấp cho nhiều thửa đất thì đơn giá đối với mỗi thửa đất tăng: 204.000 đồng.</p>	<p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (<i>sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021</i>);</p> <p>- Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>- Nghị Quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020. .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 08 ngày; ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 10 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất; Không tính thời gian gửi văn bản đến UBND cấp xã nơi thường trú để xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp; Không tính thời gian 15</p>				

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			ngày, kể từ ngày thông báo hoặc đăng tin lần đầu tiên trên phương tiện thông tin đại chúng; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.				
13.	2.000889	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi,	- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 09	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	ngày; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 11 ngày; ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 13 ngày; + Đối với trường hợp chuyển quyền kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành từ 02 thửa đến 10 thửa: 18 ngày; + Đối với trường hợp chuyển quyền kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành từ 10 thửa đến 50 thửa: 23 ngày;	gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	+ Đối với đất: 923.000 đồng. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): + Trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng: ++ Đối với đất: 630.000 đồng. ++ Đối với tài sản: 769.000 đồng. ++ Đối với đất và tài	148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTMMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>+ Đối với trường hợp chuyển quyền kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành trên 50 thửa: 50 ngày.</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 06 ngày.</p> <p>+ Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy</p>		<p>sản: 947.000 đồng.</p> <p>+ Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <p>++ Đối với đất: 581.000 đồng.</p> <p>++ Đối với tài sản: 721.000 đồng.</p> <p>++ Đối với đất và tài sản: 887.000 đồng.</p> <p>+ Trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <p>++ Đối với đất: 632.000 đồng.</p> <p>++ Đối với tài sản: 771.000 đồng.</p> <p>++ Đối với đất và tài sản: 952.000 đồng.</p> <p>Trường hợp cấp một</p>	<p>05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 08 ngày;</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 10;</p> <p>+ Đối với trường hợp chuyển quyền kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành từ 02 thửa đến 10 thửa: 15 ngày;</p> <p>+ Đối với trường hợp chuyển quyền kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành từ 10 thửa đến 50 thửa: 20 ngày.</p> <p>+ Đối với trường hợp chuyển quyền kết hợp với tách, hợp thửa tạo thành trên 50 thửa: 45 ngày.</p>		<p>Giấy chứng nhận cấp cho nhiều thửa đất thì đơn giá đối với mỗi thửa đất tăng: 204.000 đồng</p>		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định</p>				
14.	2.000880	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế</p>	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 09 ngày; + Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng:</p>	<p>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng. + Đối với tài sản:</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		<p>chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	<p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 11 ngày; ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 13; - Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích; + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 06</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất</p>	<p>1.062.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): + Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trong trường hợp giải quyết tranh chấp; khiếu nại, tố cáo về đất đai; theo kết quả trúng đấu giá; theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của cơ quan thi hành án; phân chia của hộ gia đình, của vợ chồng, nhóm người sử dụng đất hoặc chuyển đổi hộ gia đình, cá nhân thành tổ chức kinh tế của hộ gia đình,</p>	<p>21/12/2022; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - <i>Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</i> - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>ngày;</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng:</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 08 ngày;</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 10 ngày;</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thông báo thu hồi đất; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất;</p>		<p>cá nhân mà không thuộc trường hợp chuyển nhượng:</p> <p>++ Đối với đất: 630.000 đồng.</p> <p>++ Đối với tài sản: 769.000 đồng.</p> <p>++ Đối với đất và tài sản: 947.000 đồng.</p> <p>+ Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận xử lý nợ thế chấp:</p> <p>++ Đối với đất: 632.000 đồng.</p> <p>++ Đối với tài sản: 771.000 đồng.</p> <p>++ Đối với đất và tài sản: 952.000 đồng.</p> <p>Trường hợp cấp một Giấy chứng nhận cấp cho nhiều thửa đất thì đơn giá đối với mỗi</p>	<p>05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		thừa đất tặng: 204.000 đồng.		
15.	1.005194	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	<p>- Trường hợp mất Trang bổ sung của Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Đối với Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: 08 ngày;</p> <p>+ Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: 05 ngày.</p>	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung:</p> <p>+ Đối với đất: 20.000 đồng.</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 50.000 đồng.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Đối với đất: 576.000 đồng.</p> <p>+ Đối với tài sản: 526.000 đồng.</p> <p>+ Đối với đất và tài</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;</p>	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>- Trường hợp mất Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Đối với trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã:</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 12 ngày;</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền của Văn phòng Đăng ký đất đai: 15;</p> <p>+ Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công</p>		<p>sản: 735.000 đồng.</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại Trang bổ sung:</p> <p>+ Đối với đất: 292.000 đồng.</p> <p>+ Đối với tài sản: 363.000 đồng.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 448.000 đồng.</p> <p>Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung trong một Giấy chứng nhận hoặc một hồ sơ mà nhiều Giấy chứng nhận thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (Giấy chứng nhận) tăng: 204.000 đồng. Đơn giá đối với trang bổ sung thứ hai trở lên: 87.000 đồng.</p>	<p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>ích:</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 09 ngày.</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền của Văn phòng Đăng ký đất đai: 12 ngày</p> <p>Thời gian này không tính thời gian niêm yết công khai tại UBND cấp xã, thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định; không kê thời gian chờ hồ sơ gốc để đối</p>				

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			chiều				
16.	1.001045	Đăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 09 ngày; + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 11 ngày. ++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai: 13 ngày. - Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và</p>	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 923.000 đồng. Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): 637.000 đồng</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận: 06 ngày;</p> <p>+ Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 08 ngày.</p> <p>++ Trường hợp thuộc thẩm quyền ký Giấy chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai:</p>			<p>- Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ;</p> <p>- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>10 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định</p>				
17.	1.004269	Cung cấp dữ liệu đất đai	<p>01 ngày làm việc. Nếu nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì việc cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết thì không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp cung cấp thông tin dưới hình thức</p>	<p>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký</p>	<p>* Lệ phí: 10.000 đồng.</p> <p>* Phí thẩm định: 300.000 đồng.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp trích lục thửa đất thì thu theo đơn giá trích lục</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Thông tư số 14/2023/TT-</p>	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			tổng hợp thông tin đất đai thì thời gian thực hiện theo thỏa thuận của các bên.	đất đai		BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; - Nghị Quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020.	
18.	1.001991	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	30 ngày. Thời gian này không tính thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian xác định nghĩa vụ tài chính. không tính thời gian thẩm định giá nếu phải thuê tư vấn để thẩm định; không tính thời	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 1.351.000 đồng.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			gian ký hợp đồng thuê đất, điều chỉnh hợp đồng thuê đất; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	- Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): 947.000 đồng.	18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014HT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - <i>Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).</i> - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ;	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
19.	2.001234	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	30 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất (nếu có); không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc của UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	Không quy định	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.	Toàn trình
20.	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	15 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật;	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư lập hồ sơ trực tuyến trên	Không quy định	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	Công Dịch vụ công hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc của UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất		- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.</i>	
21.	2.000381	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền	24 ngày. Thời gian trên không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 25.000 đồng. - Đối với cả đất và tài sản: 100.000 đồng. * Phí thẩm định: 300.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		sử dụng đất	trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	và trả kết quả của UBND cấp huyện	Cấp giấy chứng nhận: - Đối với đất: 1.949.000 đồng. - Đối với tài sản: 1.970.000 đồng. - Đối với đất và tài sản: 2.793.000 đồng.	- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
22.	1.000798	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia	Không quá 15 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Phí thẩm định: - Trường hợp để xây dựng nhà ở: 300.000	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		đình, cá nhân	chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định	công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	<p>đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp để sản xuất kinh doanh: 4.000.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 923.000 đồng. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 637.000 đồng. + Đối với tài sản: 779.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 965.000 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021. 	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
23.	1.005367	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	Không quá 20 ngày. Thời gian này không tính thời gian thông báo thu hồi đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.	Một phần
24.	1.005187	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh	Không quá 20 ngày. Thời gian này không tính thời gian thông báo thu hồi đất; không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa	Không quy định	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014;	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam		của UBND cấp huyện			
25.	1.011616	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: 33 ngày . Trường hợp tiếp nhận cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích: 30 ngày.	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 25.000 đồng. - Đối với cả đất và tài sản: 100.000 đồng. * Phí thẩm định: 300.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 85/2019/TT-	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; thời gian gửi lấy ý kiến cấp xã và các cơ quan quản lý nhà nước về tài sản gắn liền với đất; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định</p>	<p>quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất</p>	<p>- Đối với đất: 1.949.000 đồng. - Đối với tài sản: 1.970.000 đồng. - Đối với đất và tài sản: 2.793.000 đồng.</p> <p>Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung trong một Giấy chứng nhận hoặc một hồ sơ mà nhiều Giấy chứng nhận thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (Giấy chứng nhận) tăng: 544.000 đồng</p>	<p>BTC ngày 29/11/2019 (<i>sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021</i>); - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023</i>; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						10/6/2021 .	
26.	2.000983	Cấp Giấy chứng nhận cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	<p>- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: 23 ngày .</p> <p>- Trường hợp tiếp nhận cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích: 20 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan</p>	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>- Đối với đất: 25.000 đồng.</p> <p>- Đối với cả đất và tài sản: 100.000 đồng.</p> <p>* Phí thẩm định: 300.000 đồng.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <p>- Đối với đất: 1.949.000 đồng.</p> <p>- Đối với tài sản: 1.970.000 đồng.</p> <p>- Đối với đất và tài sản: 2.793.000 đồng.</p> <p>Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			thuế; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		trong một Giấy chứng nhận hoặc một hồ sơ mà nhiều Giấy chứng nhận thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (Giấy chứng nhận) tăng: 544.000 đồng	BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
27.	1.002255	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: 33 ngày . - Trường hợp tiếp nhận cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trực tuyến trên Cổng	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: 1.970.000 đồng. Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>Dịch vụ công hoặc Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích: 30 ngày.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; thời gian gửi lấy ý kiến cấp xã và các cơ quan quản lý nhà nước về tài sản gắn liền với đất; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</p>	<p>sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.</p>	<p>trong một Giấy chứng nhận hoặc một hồ sơ mà nhiều Giấy chứng nhận thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (Giấy chứng nhận) tăng: 544.000 đồng.</p>	<p>10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023;</i> - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021. 	
28.	2.001938	Đăng ký đất đai lần đầu đối với	15 ngày. Thời gian này không tính thời gian các	Cộng đồng dân cư được Nhà	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	nước giao quản lý đất nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc phần mềm TN&MT hoặc Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc của UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.		43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - <i>Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT</i> ngày 16/10/2023;	
29.	1.001134	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho	- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã: 23 ngày. - Trường hợp tiếp nhận cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp huyện hoặc tại địa	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích: 20 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.	gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng. - Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận (in trang 4): + Đối với đất: 629.000 đồng. + Đối với tài sản: 767.000 đồng. + Đối với đất và tài sản: 945.000 đồng.	148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - <i>Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);</i> - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023; - Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; - Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; - Quyết định số	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; - Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
30.	2.000395	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện	không quá 45 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật	Nộp đơn tại Ban Tiếp công dân cấp huyện hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện giao trách nhiệm cơ quan tham mưu giải quyết.	Không quy định	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017	Một phần

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
----	------------	-------------	---	--------------------	----------------------	----------------	------------------

1.	1.003554	Hòa giải tranh chấp đất đai	Không quá 45 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật	Người đề nghị nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017	Một phần
----	----------	-----------------------------	---	--	----------------	---	----------

** Ghi chú: Nội dung TTHC cụ thể công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.binhphuoc.gov.vn/>) theo quy định.*